

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08-7-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nhòng,
2. Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị N và anh T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 18/02/2008. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận, hạnh

phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn gay gắt, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, chị N yêu cầu được ly hôn anh T. Anh chị có 01 con chung là Dương Quang H, sinh ngày 18 tháng 6 năm 20xx. Kể từ khi sống ly thân, con chung do anh T trực tiếp nuôi. Vì cháu H có nguyện vọng ở với bố nên khi ly hôn, chị N đề nghị Toà án giao con cho anh T trực tiếp nuôi; việc cấp dưỡng cho con, chị tự thoả thuận với anh T, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn là anh Dương Văn T trình bày:

Nội dung lời trình bày của chị N về thời gian, địa điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân giữa anh chị là đúng. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, một phần do chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên căng thẳng, bất hoà. Chị N ngại với gia đình chồng và hàng xóm nên tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2013, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh T cho rằng chị N tự ý bỏ đi, tự làm đơn ly hôn, anh không bỏ vợ nên không đồng ý ly hôn. Anh chị có 01 con chung như chị N trình bày, kể từ khi ly thân, con chung do anh T trực tiếp nuôi. Nếu phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con cho anh trực tiếp nuôi; việc cấp dưỡng cho con, anh tự thoả thuận với chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Anh T, chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 18 tháng 02 năm 2008. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh từ năm 2013 do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2016, chị N bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh chị có 01 con chung. Trong thời gian anh chị sống ly thân, con chung do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có văn bản thể hiện việc thay đổi ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp, hòa giải, phiên tòa không có lý do là thực hiện chưa

đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Dương Văn T. Giao con Dương Quang H, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2006 cho anh T trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Dương Văn T là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn K, xã B, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn (chị N) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn (anh T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh T.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được xác lập từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do anh T nghi ngờ chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Do mâu thuẫn căng thẳng, anh chị đã sống ly thân thời gian dài (từ 2016 đến nay), không quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị N được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Dương Quang H, sinh ngày 18 tháng 6 năm 20xx; tại thời điểm giải quyết vụ án, cháu H đã trên 07 tuổi, có

nguyện vọng được bố trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, yêu cầu của chị N về việc giao con cho anh T trực tiếp nuôi sau khi ly hôn phù hợp với nguyện vọng của cháu Huy và anh T. Căn cứ các khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, giao con Dương Quang H cho anh T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng cho con: Do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N là nguyên đơn trọng vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao con Dương Quang H, sinh ngày 18 tháng 6 năm 20xx cho anh Dương Văn T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006266 ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH năm 2008);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Xuyên

